TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Số: 125/2017/HNGĐ - PT
Ngày: 06/11/2017
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý

Ông Đỗ Quảng Oai

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Quản Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2017/TLPT-HNGĐ ngày 29/8/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ - ST ngày 26/7/2017 của Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2017/QĐPT ngày 20/10/2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn:

Anh Vũ Xuân A, sinh năm 1968

Hộ khẩu thường trú tại: Số 59 phố H, tổ 26 phường Y, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

Chị Lê Thị B, sinh năm 1972

Hộ khẩu thường trú tại: Số 59 phố H, tổ 26 phường Y, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa, nguyên đơn anh Vũ Xuân A trình bày:

Về tình cảm: Anh A và chị B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/1990 tại UBND xã Y, huyện Thanh Trì, nay là phường Y, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Trước đó chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống nhờ nhà bố mẹ anh A tại số 59 phố H tổ 26 phường Y, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu chưa có mâu thuẫn gì lớn, chỉ là cãi cọ bình thường cho đến khoảng tháng 01/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, chị B không tôn trọng, không trao đổi với anh về mọi việc trong gia đình. Vì vậy dẫn đến việc vợ chồng cãi vã, đánh chửi nhau ảnh hưởng đến các con, trật tự địa phương. Việc vợ chồng mâu thuẫn cả hai bên gia đình có khuyên bảo để vợ chồng hòa thuận nhưng không được vì đã quá nhiều lần. Cuộc sống vợ chồng vô cùng nặng nề, chị B nợ nần ai anh không biết. Do vậy từ tháng 01/2016 chị B đã ra ngoài thuê nhà ở từ đó đến nay. Cuộc sống của anh chị mỗi người tự lo, không ai quan tâm đến ai. Nay anh A xác định không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên anh xin ly hôn với chị B.

Về con chung: vợ chồng có 3 con chung là Vũ Bích P - sinh ngày 12/8/1991; Vũ Thu N - sinh ngày 21/11/1995 và Vũ Thu H - sinh ngày 6/2/2005.

Sau khi ly hôn, cháu P và cháu N đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, anh có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu chị B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Về nợ chung:* Không có.

Bị đơn - chị Lê Thị B trình bày:

Chị xác nhận chị và anh Phúc lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/11/1999 tại UBND xã Y, huyện Thanh Trì, nay là Phường

Y, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Sau khi lấy nhau về vợ chồng ở tại tổ 17 phường Y rồi mới chuyển về ở tại số 59 phố H, tổ 26 phường Y, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Chị xác nhận cuộc sống chung và mâu thuẫn vợ chồng như anh A trình bày là đúng. Thời gian đầu chung sống vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì. Bản thân chị về làm dâu nhà anh A cùng ăn ở với bố mẹ chồng. Thời gian đầu anh A có đi làm nhưng từ sau khi chuyển về tổ 26 phường Y, quận Hoàng Mai thì anh A mất việc làm, bố mẹ chồng cũng không có lương hưu, không có nguồn thu nhập nào khác. Một mình chị lăn lộn kiếm sống, làm tất cả mọi nghề kiếm thu nhập để chăm lo cho bố mẹ chồng, cho chồng và các con. Anh A không phụ giúp gì, không có nguồn thu nhập nào để hỗ trợ chị lo toan việc gia đình. Đến khoảng năm 2011, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh A không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác, về nhà hắt hủi vợ con, mắng chửi và đánh chị. Bản thân chị không thể chịu đựng được cuộc sống vợ chồng như vậy, anh A đã không đỡ đần gì mà còn không chung thủy, một mình chị lo toan gia đình, chị không thể cáng đáng được dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Quá trình chung sống nguyên nhân không phải do một mình chị mà dẫn đến nông nỗi này.

Chị xác nhận vợ chồng cũng đã ly thân khoảng hơn một năm nay. Tuy nhiên hiện nay sức khỏe chị không ổn định, chị bị co thắt mạch vành tim, nhà ở không có, hiện cháu H cũng còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn, nhưng nếu bắt buộc vợ chồng phải ly hôn chị đề nghị được quyền lưu cư hoặc anh A hỗ trợ chị một khoản tiền để chị đi thuê nhà ở mới.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Vũ Bích P- sinh ngày 12/8/1991; Vũ Thu N - sinh ngày 21/11/1995 và Vũ Thu H - sinh ngày 6/2/2005.

Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý để cháu H ở với anh A.

*Về tài sản chung, nhà đất ở chung: C*hị xác nhận hiện nay tài sản chung, nhà đất ở chung vợ chồng không có gì. Chị không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn, chị đề nghị anh A hỗ trợ cho chị một khoản để chị lo cuộc sống mới.

Về nợ chung: Nợ nần của chị cũng xuất phát từ việc lo toan cho gia đình nhưng nếu nay anh A không xác nhận nợ, chị cũng xác nhận là nợ riêng không phải nợ chung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ - ST ngày 26/7/2017 của Toà án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vũ Xuân A. Cho anh Vũ Xuân A ly hôn chị Lê Thị B.

Về con chung: Xác nhận anh A, chị B có 03 là Vũ Bích P - sinh ngày 12/8/1991; Vũ Thu N - sinh ngày 21/11/1995 và Vũ Thu H - sinh ngày 6/2/2005. Cháu P, cháu N đã đủ tuổi trưởng thành nên không xét.

Giao cháu Vũ Thu H cho anh Vũ Xuân A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai được ngăn cản quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của chị Lê Thị B.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Xuân A không yêu cầu chi Lê Thị B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản và nợ chung: Anh A, chị B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyền về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 31 tháng 7 năm 2017, bị đơn chị Lê Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử bác đơn xin ly hôn của anh A.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị được tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với anh Vũ Xuân A.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật định, bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Lê Thị B, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

Anh Vũ Xuân A và chị Lê Thị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/11/1990 tại UBND xã Y, huyện Thanh Trì (nay là phường Y, quận Hoàng Mai), thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh A trình bày, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về kinh tế, chị B không tôn trọng, không trao đổi với anh về mọi việc trong gia đình, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016. Cuộc sống của anh chị mỗi người tự lo cho bản thân, không ai quan tâm đến ai.

Chị B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chị chưa đến mức phải ly hôn, nhưng bản thân chị cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, chị đã đi thuê nhà ở riêng. Chị B cho rằng vợ chồng vẫn còn một con chung là cháu Vũ Thu H còn nhỏ, đang trong độ tuổi chưa thành niên, chị không muốn cháu bị ảnh hưởng tâm lý.

Chị muốn giữ gìn truyền thống gia đình của người Việt Nam và ổn định tâm lý cho con cái.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là cả hai vợ chồng cùng chung tay xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng chung thuỷ yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị B kháng cáo không muốn ly hôn và đề nghị xử bác đơn xin ly hôn của anh A, chị muốn anh A có thêm thời gian để suy nghĩ lại, nhưng thực tế chị B đã không có biện pháp nào để cải thiện và hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Cả hai anh chị đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay (nội dung này cũng được chính quyền địa phương xác nhận). Sau nhiều lần hoà giải và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, anh A vẫn lựa chọn giải pháp xin ly hôn và xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Để duy trì hôn nhân hạnh phúc tình cảm phải xuất phát từ hai phía, chị B muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh A nhưng anh A không mong muốn. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy Toà án cấp sơ thẩm xử cho anh A được ly hôn với chị B là có căn cứ, Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị B.

- Về con chung; Anh A chị B có 03 con chung là Vũ Bích P - sinh ngày 12/8/1991; Vũ Thu N - sinh ngày 21/11/1995 và Vũ Thu H - sinh ngày 6/2/2005.

Cháu P, cháu N đã trưởng thành, cháu Vũ Thu H hiện còn trong tuổi chưa thành niên, cháu có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn.

Khi ly hôn anh A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, chị B cũng nhất trí giao cháu H cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay chị không có chỗ ở, thu nhập của chị cũng không ổn định. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Vũ Thu H cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và điều kiện để cháu H phát triển một cách toàn diện.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Toà án cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm, anh A không yêu cầu chị B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Yêu cầu của anh A là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Anh A, chị B không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Tại phiên toà, chị B trình bày có khoản nợ nhưng chị xác nhận là khoản nợ của riêng chị, chị không yêu cầu anh A phải chịu trách nhiệm chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị B không được chấp nhận nên chị La phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2017/HNGĐ-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Phần tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Vũ Xuân A; anh Vũ Xuân A được ly hôn với chị Lê Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thu H - sinh ngày 06/2/2005 cho anh Vũ Xuân A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung của chi B cho đến khi anh A có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Lê Thị B có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đ- ợc cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh A, chị B không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Anh Vũ Xuân A phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh A đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0002111 ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị B đã nộp theo biên lai thu số 0002400 ngày 01/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật thi hành./.

***Nơi gửi*:**
- VKSND T.p Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai ;
- UBND phường Y, quận Hoàng Mai (Theo Điều 57 Luật HNGĐ) ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Nam

***Nơi gửi*:**
- VKSND T.p Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai ;
- Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai;
- UBND phường Yên Sở, quận Hoàng Mai (Theo Điều 57 Luật HNGĐ) ;
- Các đương sự ;
Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Nam